

Số: /KH-SXD

Đắk Lắk, ngày tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Kịch bản triển khai theo tháng của Sở Xây dựng giai đoạn 2026 - 2030
(Thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, thể chế, tạo đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực của Sở Xây dựng giai đoạn 2026 - 2030)

Thực hiện Kế hoạch số 05-KH/TGV ngày 19/5/2026 của Tổ giúp việc về cải cách hành chính, thể chế, tạo đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực về Triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, thể chế, tạo đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế 02 con số tỉnh Đắk Lắk và giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 138/KH-SXD ngày 28/4/2026 của Sở Xây dựng về Triển khai thực hiện nhiệm vụ Sở Xây dựng - Thành viên Tổ giúp việc thuộc Ban Chỉ đạo tăng trưởng kinh tế 02 con số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026–2030;

Sở Xây dựng – Thành viên Tổ giúp việc thuộc Ban Chỉ đạo ban hành Kế hoạch thực hiện Kịch bản triển khai theo tháng của Sở Xây dựng giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU ĐIỀU HÀNH GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

1. Tạo chuyên biên thực chất về cải cách hành chính, giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng.
2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, tháo gỡ các điểm nghẽn về đầu tư xây dựng, quy hoạch, hạ tầng.
3. Đẩy mạnh chuyển đổi số ngành xây dựng; hình thành hệ sinh thái dữ liệu số đồng bộ.
4. Ứng dụng BIM, GIS, AI, IoT trong quản lý xây dựng, quy hoạch, hạ tầng.
5. Phát triển nguồn nhân lực số, nâng cao năng lực cán bộ, công chức, viên chức ngành xây dựng.
6. Góp phần cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế 02 con số của tỉnh.

II. CHỈ TIÊU PHẤN ĐÁU ĐẾN NĂM 2030

1. 100% quy trình TTHC được số hóa.
2. 100% hồ sơ đủ điều kiện được xử lý trực tuyến.
3. Giảm tối thiểu 50% thời gian giải quyết TTHC.
4. Hoàn thiện CSDL ngành xây dựng đồng bộ.

5. Hình thành hệ thống điều hành số ngành xây dựng.
6. Mỗi năm tối thiểu 02 lớp đào tạo chuyển đổi số
7. Triển khai tối thiểu 01 mô hình BIM/GIS/AI/IoT mỗi năm.
8. Hình thành cơ chế giám sát, điều hành tiến độ theo thời gian thực.

III. KỊCH BẢN TRIỂN KHAI THEO THÁNG NĂM 2026

1. Tháng 5/2026 – Rà soát điểm nghẽn cải cách hành chính

Nhiệm vụ trọng tâm

- Rà soát 100% TTHC thuộc lĩnh vực xây dựng.
- Xác định điểm nghẽn về quy trình, hồ sơ, thời gian xử lý.
- Phân nhóm TTHC cần cắt giảm, đơn giản hóa.

Nội dung thực hiện

- Phòng Quản lý xây dựng: Rà soát thủ tục cấp phép xây dựng, thẩm định dự án.
- Phòng Quy hoạch – Kiến trúc: Rà soát thủ tục quy hoạch, cung cấp thông tin quy hoạch.
- Phòng Quản lý nhà và Thị trường bất động sản: Rà soát thủ tục nhà ở xã hội, bất động sản.
- Phòng Phát triển hạ tầng: Rà soát thủ tục hạ tầng kỹ thuật.
- Phòng Quản lý chất lượng công trình: Rà soát thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu.
- Phòng Quản lý vận tải: Rà soát thủ tục vận tải, đăng kiểm.
- Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng: Rà soát thủ tục vật liệu xây dựng.
- Văn phòng Sở: Tổng hợp, xây dựng báo cáo điểm nghẽn.

Sản phẩm

- Báo cáo rà soát TTHC.
- Danh mục TTHC cần cắt giảm.
- Danh mục điểm nghẽn ngành xây dựng.

Kết quả cần đạt

- Hoàn thành trước ngày 25/5/2026.
- Cắt giảm 50% thời gian giải quyết TTHC so với năm 2024.

2. Tháng 6/2026 – Chuẩn hóa dữ liệu, đề xuất cơ chế chính sách; Đào tạo nhân lực (giải quyết điểm nghẽn nhân lực)

Nhiệm vụ trọng tâm

- Chuẩn hóa dữ liệu ngành xây dựng.

- Đề xuất tháo gỡ vướng mắc thể chế.
- Đào tạo, tập huấn chuyển đổi số, BIM/GIS/AI.

Nội dung thực hiện

- Xây dựng danh mục cơ sở dữ liệu ngành: Quy hoạch; hạ tầng; nhà ở; công trình xây dựng; vật liệu xây dựng; vận tải.
- Xây dựng kiến trúc dữ liệu ngành xây dựng.
- Đề xuất cơ chế: Rút ngắn thủ tục đầu tư xây dựng; tháo gỡ dự án chậm tiến độ; hỗ trợ nhà ở xã hội; phát triển hạ tầng đô thị.
- Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyển đổi số, BIM/GIS/AI.

Sản phẩm

- Kiến trúc dữ liệu ngành.
- Danh mục CSDL chuyên ngành.
- Tờ trình đề xuất chính sách.
- ≥ 01 lớp đào tạo, tập huấn.

Kết quả cần đạt

- Hoàn thành kiến trúc dữ liệu trước 20/6/2026.
- Hoàn thành tờ trình chính sách trước 30/6/2026.
- Cán bộ, công chức, viên chức có kỹ năng về chuyển đổi số, BIM/GIS/AI.

3. Tháng 7/2026 – Cắt giảm, chuẩn hóa quy trình TTHC; Đào tạo nhân lực (giải quyết điểm nghẽn nhân lực)

Nhiệm vụ trọng tâm

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC.
- Chuẩn hóa quy trình điện tử.
- Đào tạo, tập huấn chuyển đổi số, BIM/GIS/AI.

Nội dung thực hiện

- Rà soát toàn bộ quy trình nội bộ.
- Tái cấu trúc quy trình xử lý hồ sơ.
- Áp dụng chữ ký số, hồ sơ điện tử.
- Thiết lập cơ chế liên thông giữa các phòng.
- Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyển đổi số, BIM/GIS/AI.

Sản phẩm

- Quy trình nội bộ mới.
- Danh mục cắt giảm thời gian xử lý.
- Hệ thống xử lý điện tử đồng bộ.

- ≥ 01 lớp đào tạo, tập huấn.

Kết quả cần đạt

- Giảm tối thiểu 50% thời gian xử lý so với năm 2024.
- 100% quy trình được số hóa.
- Cán bộ, công chức, viên chức có kỹ năng về chuyển đổi số, BIM/GIS/AI.

4. Tháng 8/2026 – Tăng tốc dịch vụ công trực tuyến

Nhiệm vụ trọng tâm

- Triển khai toàn diện dịch vụ công trực tuyến.
- Tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến.

Nội dung thực hiện

- Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến toàn trình.
- Đồng bộ dữ liệu với Trung tâm phục vụ hành chính công.
- Tập huấn, hướng dẫn sử dụng hệ thống số.
- Kiểm tra tỷ lệ số hóa hồ sơ.

Sản phẩm

- Hệ thống vận hành ổn định.
- Báo cáo tỷ lệ hồ sơ trực tuyến.
- Kế hoạch nâng tỷ lệ thanh toán trực tuyến.

Kết quả cần đạt

- 100% hồ sơ đủ điều kiện được tiếp nhận trực tuyến.
- Tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến thực tế.

5. Tháng 9/2026 – Rà soát quy hoạch, tháo gỡ điểm nghẽn đầu tư

Nhiệm vụ trọng tâm

- Rà soát quy hoạch phục vụ tăng trưởng.
- Xác định quỹ đất và dự án ưu tiên.

Nội dung thực hiện

- Rà soát: Quy hoạch đô thị; khu dân cư; nhà ở xã hội; hạ tầng kỹ thuật; logistics; giao thông.
- Đề xuất điều chỉnh quy hoạch chưa phù hợp.
- Xác định danh mục dự án ưu tiên.

Sản phẩm

- Báo cáo rà soát quy hoạch.
- Danh mục quỹ đất ưu tiên.

- Danh mục dự án trọng điểm.

Kết quả cần đạt

- Hoàn thành báo cáo phục vụ điều hành tăng trưởng kinh tế.

6. Tháng 10/2026 – Thí điểm công nghệ số ngành xây dựng

Nhiệm vụ trọng tâm

- Ứng dụng BIM/GIS/AI/IoT.

Nội dung thực hiện

- Thí điểm BIM trong quản lý dự án.
- Ứng dụng GIS quản lý quy hoạch.
- Thử nghiệm AI hỗ trợ tra cứu hồ sơ.
- Xây dựng mô hình IoT theo dõi hạ tầng.

Sản phẩm

- 01 mô hình thí điểm.
- Báo cáo đánh giá hiệu quả.

Kết quả cần đạt

- Hình thành mô hình quản trị số ngành xây dựng.

7. Tháng 11/2026 – Đánh giá cải cách hành chính và chuyển đổi số

Nhiệm vụ trọng tâm: Đánh giá hiệu quả thực hiện.

Nội dung thực hiện

- Khảo sát mức độ hài lòng.
- Đánh giá: Thời gian giải quyết; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến; mức độ số hóa; hiệu quả cải cách.
- Xác định tồn tại, hạn chế.

Sản phẩm

- Báo cáo đánh giá.
- Bộ chỉ số theo dõi

Kết quả cần đạt

- Hoàn thành báo cáo phục vụ BCD tỉnh.

8. Tháng 12/2026 – Tổng kết, đề xuất nhiệm vụ năm 2027

Nhiệm vụ trọng tâm

- Tổng kết kết quả thực hiện năm 2026.
- Đề xuất nhiệm vụ năm 2027.

Nội dung thực hiện

- Tổng hợp kết quả các phòng.
- Đánh giá tác động cải cách.
- Đề xuất cơ chế, chính sách mới.
- Xây dựng kế hoạch năm 2027.

Sản phẩm

- Báo cáo tổng kết BCD tỉnh.
- Kế hoạch năm 2027.
- Danh mục nhiệm vụ trọng tâm.

IV. KỊCH BẢN TRIỂN KHAI THEO THÁNG GIAI ĐOẠN 2027 – 2030

1. NĂM 2027 – NĂM CHUẨN HÓA, ĐỒNG BỘ DỮ LIỆU

a) Quý I hằng năm (Tháng 1 – 3)

Tháng 1

- Ban hành kế hoạch cải cách hành chính và chuyển đổi số năm.
- Giao chỉ tiêu cho từng phòng.
- Rà soát nhiệm vụ tồn đọng năm trước.

Tháng 2

- Chuẩn hóa quy trình nội bộ.
- Rà soát danh mục TTHC.
- Cập nhật dữ liệu chuyên ngành.

Tháng 3

- Kiểm tra tiến độ số hóa hồ sơ.
- Hoàn thiện kho dữ liệu dùng chung.
- Xây dựng danh mục dữ liệu mở.

b) Quý II hằng năm (Tháng 4 – 6)

Tháng 4

- Rà soát các quy định chồng chéo.
- Đề xuất sửa đổi quy định.

Tháng 5

- Tổ chức đào tạo chuyển đổi số.
- Tập huấn BIM/GIS/AI.

Tháng 6

- Kiểm tra tỷ lệ hồ sơ trực tuyến.
- Đồng bộ dữ liệu với hệ thống tỉnh.

c) Quý III hằng năm (Tháng 7 – 9)

Tháng 7

- Đánh giá hiệu quả cải cách TTHC.
- Cập nhật quy trình điện tử.

Tháng 8

- Triển khai các mô hình số.
- Thử nghiệm AI phục vụ điều hành.

Tháng 9

- Rà soát quy hoạch, quỹ đất.
- Đề xuất dự án ưu tiên.

d) Quý IV hằng năm (Tháng 10 – 12)

Tháng 10

- Đánh giá mô hình BIM/GIS.
- Mở rộng ứng dụng số.

Tháng 11

- Khảo sát mức độ hài lòng.
- Kiểm tra KPI cải cách.

Tháng 12

- Tổng kết năm.
- Xây dựng nhiệm vụ năm sau.

2. NĂM 2028 – NĂM TĂNG TỐC CHUYỂN ĐỔI SỐ

Trọng tâm

- Hoàn thiện CSDL ngành.
- Liên thông dữ liệu toàn ngành.
- Mở rộng dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
- Tăng ứng dụng AI trong quản lý điều hành.

Kịch bản theo tháng

- **Tháng 1–3:** Hoàn thiện chuẩn dữ liệu; số hóa hồ sơ tồn; tích hợp nền tảng số.
- **Tháng 4–6:** Vận hành dữ liệu liên thông; xây dựng dashboard điều hành; mở rộng GIS.
- **Tháng 7–9:** Ứng dụng AI hỗ trợ xử lý hồ sơ; thử nghiệm cảnh báo tiến độ dự án.
- **Tháng 10–12:** Đánh giá chuyển đổi số; hoàn thiện hệ thống quản trị số ngành xây dựng.

Kết quả đạt được

- Hình thành nền tảng quản trị số bước đầu của ngành xây dựng.
- Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.
- Góp phần thúc đẩy tăng trưởng ngành xây dựng và phát triển hạ tầng của tỉnh.

3. NĂM 2029 – NĂM ĐỘT PHÁ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Trọng tâm

- Mở rộng ứng dụng BIM/GIS/AI/IoT.
- Tăng cường quản trị thông minh.
- Hình thành mô hình quản lý số ngành xây dựng.

Kịch bản theo tháng

- **Tháng 1–3:** Rà soát hệ thống công nghệ; xây dựng kế hoạch đầu tư số.
- **Tháng 4–6:** Triển khai mô hình đô thị số; thí điểm quản lý hạ tầng bằng IoT.
- **Tháng 7–9:** Kết nối dữ liệu quy hoạch – đầu tư – hạ tầng.
- **Tháng 10–12:** Đánh giá hiệu quả mô hình số; hoàn thiện cơ sở quản trị thông minh.

Kết quả đạt được

- Hình thành mô hình quản trị số ngành xây dựng.
- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước lĩnh vực xây dựng.
- Tăng tính công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC.
- Góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

4. NĂM 2030 – NĂM HOÀN THIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ

Trọng tâm

- Tổng kết giai đoạn 2026 – 2030.
- Đánh giá tác động đến tăng trưởng kinh tế.
- Hoàn thiện mô hình quản trị số ngành xây dựng.

Kịch bản theo tháng

- **Tháng 1–3:** Rà soát toàn bộ hệ thống dữ liệu; kiểm tra kết quả cải cách.
- **Tháng 4–6:** Tổng hợp chỉ tiêu tăng trưởng ngành; đánh giá tác động cải cách.
- **Tháng 7–9:** Xây dựng báo cáo tổng kết giai đoạn; đề xuất cơ chế mới.
- **Tháng 10–12:** Hoàn thiện báo cáo BCD tỉnh; xây dựng định hướng giai đoạn sau 2030.

Kết quả đạt được

- Hoàn thành mục tiêu chuyển đổi số ngành xây dựng giai đoạn 2026–2030.

- Hình thành mô hình quản trị số đồng bộ, hiện đại của Sở Xây dựng.
- Góp phần cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư xây dựng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế 02 con số của tỉnh Đắk Lắk.
- Tạo nền tảng triển khai giai đoạn phát triển mới sau năm 2030.

V. PHÂN CÔNG TRỌNG TÂM

1. Văn phòng Sở: Chủ trì cải cách hành chính; theo dõi chuyển đổi số; Tổng hợp báo cáo BCD; theo dõi KPI thực hiện.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Chủ trì tham mưu bố trí kinh phí thực hiện theo đúng lộ trình.

2. Phòng Quản lý xây dựng

- Chủ trì cải cách thủ tục cấp phép xây dựng.
- Triển khai BIM.
- Rà soát quy trình đầu tư xây dựng.

3. Phòng Quy hoạch – Kiến trúc

- Chủ trì GIS, dữ liệu quy hoạch.
- Rà soát quỹ đất, quy hoạch.

4. Phòng Phát triển hạ tầng

- Quản lý dữ liệu hạ tầng.
- Triển khai IoT hạ tầng.

5. Phòng Quản lý nhà và Thị trường bất động sản

- Rà soát cơ chế nhà ở xã hội.
- Theo dõi dữ liệu thị trường bất động sản.

6. Phòng Quản lý chất lượng công trình

- Số hóa quản lý chất lượng công trình.
- Chuẩn hóa dữ liệu nghiệm thu.

7. Phòng Quản lý vận tải

- Rà soát thủ tục vận tải.
- Tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến.

8. Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng

- Quản lý dữ liệu vật liệu xây dựng.
- Rà soát cơ chế phát triển vật liệu xây dựng.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chuyên môn

Chủ động triển khai nhiệm vụ theo phân công; định kỳ (Tháng: trước ngày 23; Quý: trước ngày 18 tháng cuối quý) hoặc khi có yêu cầu, các phòng báo cáo kết quả thực hiện về Sở Xây dựng (qua Văn phòng Sở) để tổng hợp, báo cáo.

2. Văn phòng Sở

- Là đầu mối tham mưu, theo dõi, đôn đốc thực hiện Kế hoạch.
- Tổng hợp, báo cáo (Tháng: trước ngày 25; Quý: trước ngày 20 tháng cuối quý) kết quả thực hiện về Ban Chỉ đạo tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Kịch bản triển khai theo tháng của Sở Xây dựng giai đoạn 2026 - 2030. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các phòng kịp thời báo cáo Sở Xây dựng (qua Văn phòng Sở) xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN (Cơ quan Thường trực Tổ giúp việc);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở (t/hiện);
- Trang thông tin điện tử của Sở (đăng tải);
- Lưu: VT, VP (Tr).

**THÀNH VIÊN TỔ GIÚP VIỆC
THUỘC BAN CHỈ ĐẠO**

**Phó Giám đốc Sở Xây dựng
Lê Công Du**